

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG TRÔM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2025/HS-ST
Ngày: 05-3-2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Phương Yên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Ngọc Diệu;
2. Ông Huỳnh Đức Tâm.

- Thư ký phiên toà: Ông Lê Kiến Hòa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre tham gia phiên toà: Ông Phạm Hữu Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 3 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 03/2025/TLST-HS ngày 22 tháng 01 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 05/2025/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 02 năm 2025, đối với bị cáo:

Trần Nguyễn C, sinh năm 1993 tại tỉnh Bến Tre; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: khu phố C, phường H, Thành phố Đ, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: ấp B, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre; Nghề nghiệp: làm thuê; Trình độ văn hoá: 06/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Nguyễn Trung H, sinh năm 1963 (đã chết) và bà Trần Thị H1, sinh năm 1965 (đã chết); Sống chung như vợ chồng với bà Đoàn Thị Phương D, sinh năm 1980; Con: chưa có; Tiền án: Tại Bản án hình sự phúc thẩm số 649/2010/HSPT ngày 13/10/2010 của Tòa phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 15 (mười lăm) năm tù về tội “Giết người” (chấp hành xong án phạt tù ngày 28/01/2019); Tiền sự: không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 21/11/2024 cho đến nay. (Có mặt)

** Bị hại:*

Ông Nguyễn Công T, sinh năm 1987; (Có mặt)

Hộ khẩu thường trú và chỗ ở: ấp Q, xã N, huyện G, tỉnh Bến Tre;

Hiện đang chấp hành án tại Trại giam Phước Hòa – Cục C10, Bộ Công an tại ấp Đ, xã H1, huyện P, tỉnh Tiền Giang.

** Người làm chứng:*

- Ông Nguyễn Minh P, sinh năm 1989; (Có mặt)

Nơi cư trú: ấp Đ, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre.

- Bà Đoàn Thị Phương D, sinh năm 1980; (Có mặt)

Nơi cư trú: ấp H1, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre.

- Bà Nguyễn Thị H2, sinh năm 1972; (Vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp Q, xã N, huyện G, tỉnh Bến Tre.

- Ông Nguyễn Văn Hùng T1, sinh năm 1981; (Vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp C1, xã N, huyện G, tỉnh Bến Tre.

- Ông Trần Thanh Q, sinh năm 1976; (Vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp Đ, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre.

- Ông Trần Lâm V, sinh năm 1990; (Vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp Đ, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Trần Nguyễn C sống chung nhà với bà Nguyễn Thị H2 ở ấp Q, xã N (trước đây là xã M), huyện G, tỉnh Bến Tre (bị cáo gọi bà H2 bằng dì). Vào tối ngày 06/7/2019, tại nhà của bà H2 có tổ chức uống bia và hát nhạc sống gồm: bà Đoàn Thị Phương D (bạn gái của bị cáo C), ông Nguyễn Văn Hùng T1, ông Nguyễn Văn L, ông Nguyễn Minh P và một số người khác. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, bị hại ông Nguyễn Công T (sống gần nhà bà H2) đi sang nhà bà H2 yêu cầu tắt nhạc nhưng mọi người không đồng ý. Lúc này bị hại ông T cho rằng con của bà D và con của bà H2 (còn nhỏ) lấy điện thoại của bị hại nên yêu cầu trả lại nhưng bà D và bà H2 khẳng định con của họ không có lấy. Bị hại ông T liền đi về nhà lấy con dao tự chế cầm trên tay rồi đứng trước cửa chửi, hăm dọa chém con của bà D và con của bà H2. Bà D đứng trên thềm nhà khuyên bị hại ông T đi về thì lúc này bị hại cầm dao chém (theo bị hại là quơ) về hướng mọi người đang ngồi nhậu trên bàn ở nhà bà H2, trong đó có bà D nhưng không trúng. Thấy bị hại ông T cầm dao chém bà D nên ông P cầm khúc gỗ đánh bị hại để cản bị hại không chém tiếp nhưng không gây thương tích. Cùng lúc này, bị cáo C đang tắm ở sau nhà nghe con của bà D nói lại là bị bị hại ông T hăm dọa chém và nghe bị hại lớn tiếng chửi, hăm dọa ở trước nhà bà H2 nên đi ra thì thấy bị hại cầm dao chém bà D. Bị cáo C liền chạy lên nhà trước lấy con dao để ở bậc thềm nhà trước chém trúng tay trái bị hại ông T gây thương tích. Chém xong bị cáo C để dao lại tại nhà bà H2, còn bị hại ông T bỏ chạy ra đường nhờ ông Trần Thanh Q và ông Trần Lâm V đưa đi bệnh viện cấp cứu.

Cơ quan điều tra đang tạm giữ:

- 01 (một) con dao (loại dao chét) dài 50cm, cán dao bằng gỗ dài 20cm, lưỡi dao bằng kim loại màu đen dài 30cm, mũi dao bằng: bị cáo C dùng để chém bị hại ông T gây thương tích.

- 01 (một) con dao tự chế (hình dạng cây đao) dài 175,5cm, cán bằng kim loại tròn màu đen dài 141,5cm, ở đoạn giữa được sơn màu trắng, một đầu được hàn dính với lưỡi dao tự chế bằng kim loại màu đen dài 34cm: dao của bị hại ông T dùng để chém về hướng mọi người đang ngồi nhậu trên bàn ở nhà bà H2.

Tại Bản kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 117/24/KLTTCT-TTYTBT ngày 25/4/2024 của Trung tâm Pháp y tỉnh Bến Tre kết luận: Căn cứ Thông tư 20/2014/TT-BYT ngày 12/6/2014 của Bộ Y tế quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của bị hại ông T tại thời điểm giám định là 24% (hai mươi bốn phần trăm), áp dụng phương pháp cộng tại thông tư.

- Tỷ lệ phần trăm từng thương tích:

+ Sẹo mặt sau 1/3 giữa cẳng tay trái, kích thước lớn: 08% (tám phần trăm), căn cứ Chương 9, Mục I.3 và phần Nguyên tắc đánh giá sẹo phần mềm.

+ Đứt gân cơ duỗi cổ tay quay, gân cơ duỗi các ngón I,II,IV,V, gân cơ duỗi cổ tay trụ. Đã khâu nối, ảnh hưởng ít đến động tác khớp cổ tay trái: 03% (ba phần trăm), căn cứ Chương 8, Mục III.5.1.

+ Tổn thương thần kinh gian cốt sau (nhánh thần kinh quay) tay trái 11% (mười một phần trăm), căn cứ Chương 2, Mục VII.3.14.

+ Tổn thương mạch máu vùng cẳng tay trái đã xử trí, không có biểu hiện thiếu máu nuôi bên dưới: 04% (bốn phần trăm), căn cứ Chương 3, Mục II.3.1.

- Cơ chế hình thành thương tích của bị hại ông T là do vật sắc tác động trực tiếp gây ra.

Quá trình điều tra, bị cáo C khai nhận hành vi phạm tội của mình phù hợp với lời khai của bị hại, lời khai của những người làm chứng, vật chứng thu giữ, kết quả khám nghiệm hiện trường, kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án do Cơ quan điều tra thu thập.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại ông T yêu cầu bị cáo C bồi thường thiệt hại với tổng số tiền là 60.000.000 (sáu mươi triệu) đồng, gồm: chi phí điều trị là 19.000.000 (mười chín triệu) đồng, tổn thất tinh thần là 11.000.000 (mười một triệu) đồng, thu nhập bị mất là 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng. Bị cáo C đồng ý bồi thường theo yêu cầu của bị hại ông Thành. Hiện tại, bị cáo C đã bồi thường cho bị hại ông T được số tiền điều trị thương tích là 19.000.000 (mười chín triệu) đồng, các khoản khác bị cáo chưa có tiền để bồi thường.

Tại Bản cáo trạng số 06/CT-VKSGT ngày 22 tháng 01 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre đã truy tố bị cáo C về “Tội cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm đ khoản 2 (thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 1) Điều 134 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Giữ nguyên quan điểm truy tố về tội danh, đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo C phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

- Về trách nhiệm hình sự:

Áp dụng điểm đ khoản 2 (thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 1) Điều 134; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo C mức án từ 03 (ba) năm đến 04 (bốn) năm tù.

Hình phạt bổ sung: đề nghị không áp dụng.

- Về trách nhiệm dân sự:

Trong quá trình điều tra, bị hại ông T yêu cầu bị cáo C bồi thường thiệt hại với tổng số tiền là 60.000.000 (sáu mươi triệu) đồng. Tại phiên tòa, bị hại ông T yêu cầu bị cáo C bồi thường thiệt hại với tổng số tiền là 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng. Do đó, áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 30 Bộ luật tố tụng hình sự; các Điều 357, 468, 584, 585, 586 và Điều 590 Bộ luật dân sự, đề nghị ghi nhận bị cáo C đã bồi thường cho bị hại ông T số tiền là 19.000.000 (mười chín triệu) đồng, buộc bị cáo bồi thường tiếp cho bị hại số tiền còn lại là 31.000.000 (ba mươi một triệu) đồng.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Đề nghị tịch thu, tiêu hủy: 01 (một) con dao (loại dao chét) dài 50cm, cán dao bằng gỗ dài 20cm, lưỡi dao bằng kim loại màu đen dài 30cm, mũi dao bằng, đây là hung khí bị cáo C sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội, không có giá trị sử dụng; 01 con dao tự chế (hình dạng cây đao) dài 175,5cm, cán bằng kim loại tròn màu đen dài 141,5cm, ở đoạn giữa được sơn màu trắng, một đầu được hàn dính với lưỡi dao tự chế bằng kim loại màu đen dài 34cm, bị hại ông T sử dụng dẫn đến sự việc ngày 06/7/2019, không còn giá trị sử dụng.

Bị cáo C khai nhận hành vi phạm tội như nội dung Bản cáo trạng đã nêu, thừa nhận bị cáo có cầm dao chém gây thương tích cho bị hại ông T với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 24%, nguyên nhân là do bị hại hăm dọa chém con của bà D và dùng dao tự chế chém bà D (là người sống chung như vợ chồng với bị cáo). Bị cáo đồng ý với kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác; không khiếu nại gì đối với các hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Bị cáo đã bồi thường thiệt hại xong cho bị hại ông T với số tiền 19.000.000 (mười chín triệu) đồng, đồng ý bồi thường tiếp cho bị hại số tiền còn lại là 31.000.000 (ba mươi một triệu) đồng. Bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt để sớm về kiếm tiền bồi thường cho bị hại ông T và lo cho gia đình.

Bị hại ông T khai sự việc như nội dung Bản cáo trạng đã nêu, ông thừa nhận có hăm dọa chém con của bà D và con của bà H2, có cầm dao tự chế quơ hăm dọa mọi người ngồi nhậu trên bàn ở nhà bà H2 nhưng không trúng, sau đó bị bị cáo C chém gây thương tích. Ông đồng ý với kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác; không khiếu nại gì đối với các hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Về trách nhiệm hình sự: ông xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo C. Về trách nhiệm

dân sự: trước đây ông yêu cầu bị cáo C bồi thường thiệt hại với tổng số tiền là 60.000.000 (sáu mươi triệu) đồng; tại phiên tòa, ông yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại với tổng số tiền là 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng; bị cáo C đã bồi thường thiệt hại cho ông với số tiền 19.000.000 (mười chín triệu) đồng, ông yêu cầu bị cáo bồi thường tiếp số tiền còn lại là 31.000.000 (ba mươi một triệu) đồng.

Người làm chứng ông P khai sự việc như nội dung Bản cáo trạng đã nêu, bị hại ông T có sang nhà bà H2 kêu tắt nhạc và hỏi việc mất điện thoại, có cầm dao tư chế chém những người đang ngồi nhậu trên bàn ở nhà bà H2 nhưng không trúng nên bị cáo C có cầm dao chém bị hại gây thương tích. Ông không khiếu nại gì đối với các hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng và cam đoan khai trung thực, khách quan

Người làm chứng bà D khai sự việc như nội dung Bản cáo trạng đã nêu, bà nghe các con của bà nói lại là bị bị hại ông T hăm dọa chém, bị hại có cầm dao tư chế chém những người đang ngồi nhậu trên bàn ở nhà bà H2, trong đó có bà nhưng không trúng nên bị cáo C có cầm dao chém bị hại gây thương tích. Bà không khiếu nại gì đối với các hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng và cam đoan khai trung thực, khách quan.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre; Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo C và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng:

Việc vắng mặt của những người làm chứng gồm bà H2, ông T1, ông Q và ông V tại phiên tòa, bị cáo C và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến gì, Viện kiểm sát đề nghị xét xử vắng mặt những người này. Xét thấy, trong quá trình điều tra, những người làm chứng gồm bà H2, ông T1, ông Q và ông V đã có lời khai đầy đủ, rõ ràng thể hiện trong hồ sơ vụ án, việc vắng mặt của những người này không gây trở ngại cho việc xét xử nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người này là phù hợp theo quy định tại Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự.

[3] Về tội danh: Bị cáo C có lời khai tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố; phù hợp với lời khai của bị hại và của những người tham gia tố tụng khác; phù hợp với kết luận giám định, biên bản khám nghiệm hiện trường, bản ảnh và các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được trong hồ sơ vụ án. Từ đó có đủ cơ sở xác định: Khoảng 20 giờ ngày 06/7/2019, tại ấp Q, xã N (trước đây là xã M), huyện G,

tỉnh Bến Tre, do ý thức xem thường pháp luật và sức khỏe của người khác, bị cáo C đã có hành vi dùng dao (là hung khí nguy hiểm) chém gây thương tích cho bị hại ông T với tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích là 24%. Khi thực hiện hành vi trên, bị cáo C có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Do đó, hành vi của bị cáo C đã đủ yếu tố cấu thành “Tội cố ý gây thương tích” với tình tiết “dùng hung khí nguy hiểm” theo quy định tại điểm đ khoản 2 (thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 1) Điều 134 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre và lời buộc tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa đối với bị cáo C là có căn cứ, đúng người, đúng tội và phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội:

Quyền được an toàn về sức khỏe là một trong những quyền cơ bản của công dân, được pháp luật ghi nhận và bảo vệ. Người nào xâm phạm đến sức khỏe người khác một cách trái pháp luật, đủ điều kiện theo quy định của pháp luật hình sự sẽ bị áp dụng chế tài nghiêm khắc nhất. Hành vi của bị cáo C đã xâm phạm đến sức khỏe của người khác, không những gây nguy hiểm cho xã hội, hoang mang trong nhân dân, mà còn làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự. Do đó, cần áp dụng mức hình phạt phù hợp, tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo C gây ra.

[5] Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về nhân thân, bị cáo C đã bị kết án về “Tội giết người” nên xác định là có nhân thân xấu.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo C thành khẩn khai báo; bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho bị hại; bị hại có một phần lỗi, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự mà bị cáo C được hưởng.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, bị cáo C tái phạm, đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Như vậy, căn cứ vào nhân thân, tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi bị cáo C gây ra, xét thấy việc cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian là điều cần thiết nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội và có tác dụng phòng ngừa chung.

[6] Hình phạt bổ sung: Không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo C.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

Trong quá trình điều tra, bị hại ông T yêu cầu bị cáo C bồi thường thiệt hại với tổng số tiền là 60.000.000 (sáu mươi triệu) đồng, gồm: chi phí điều trị là 19.000.000 (mười chín triệu) đồng, tổn thất tinh thần là 11.000.000 (mười một triệu) đồng, thu nhập bị mất là 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng. Tại phiên tòa, bị hại ông T yêu cầu bị cáo C bồi thường thiệt hại với tổng số tiền là 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng, xét đây là sự tự nguyện của bị hại nên được ghi nhận. Bị cáo C đã bồi thường cho bị hại ông T số tiền 19.000.000 (mười chín) triệu đồng và đồng ý tiếp tục bồi thường số tiền còn lại là 31.000.000 (ba mươi một triệu) đồng, tuy nhiên, đến nay bị cáo C vẫn chưa bồi thường,

tại phiên tòa bị hại yêu cầu bị cáo tiếp tục bồi thường số tiền này, bị cáo đồng ý bồi thường. Do đó, căn cứ vào các Điều 584, 585, 586 và Điều 590 Bộ luật dân sự, có cơ sở buộc bị cáo C phải tiếp tục bồi thường cho bị hại ông T số tiền còn lại là 31.000.000 (ba mươi một triệu) đồng.

[8] Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 (một) con dao (loại dao chét) dài 50cm, cán dao bằng gỗ dài 20cm, lưỡi dao bằng kim loại màu đen dài 30cm, mũi dao bằng, đây là hung khí bị cáo C sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội và 01 (một) con dao tự chế (hình dạng cây đao) dài 175,5cm, cán bằng kim loại tròn màu đen dài 141,5cm, ở đoạn giữa được sơn màu trắng, một đầu được hàn dính với lưỡi dao tự chế bằng kim loại màu đen dài 34cm, bị hại ông T sử dụng dẫn đến sự việc ngày 06/7/2019, đều không còn giá trị sử dụng, không ai có yêu cầu nhận lại nên tịch thu, tiêu hủy.

[9] Về án phí:

Án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (hai trăm nghìn) đồng, bị cáo C phải nộp.

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 1.550.000 (một triệu năm trăm năm mươi nghìn) đồng, bị cáo C phải nộp.

[10] Lời phát biểu luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa đối với bị cáo C về tội danh; điều luật áp dụng; nhân thân; tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; mức hình phạt áp dụng đối với bị cáo, trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng là phù hợp với quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Trần Nguyễn C phạm tội “Cố ý gây thương tích” .

Căn cứ vào điểm đ khoản 2 (thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 1) Điều 134; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Trần Nguyễn C 03 (ba) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 21/11/2024.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 30 Bộ luật tố tụng hình sự; các Điều 357, 468, 584, 585, 586 và Điều 590 Bộ luật dân sự:

Buộc bị cáo Trần Nguyễn C phải tiếp tục bồi thường cho bị hại ông Nguyễn Công T số tiền còn lại là 31.000.000 (ba mươi một triệu) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu, tiêu hủy: 01 (một) con dao (loại dao chét) dài 50cm, cán dao bằng gỗ dài 20cm, lưỡi dao bằng kim loại màu đen dài 30cm, mũi dao bằng và 01 (một) con dao tự chế (hình dạng cây đao) dài 175,5cm, cán bằng kim loại tròn màu đen dài 141,5cm, ở đoạn giữa được sơn màu trắng, một đầu được hàn dính với lưỡi dao tự chế bằng kim loại màu đen dài 34cm.

(Theo biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 24/02/2025, hiện Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre quản lý).

4. Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Buộc bị cáo Trần Nguyễn C nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

Buộc bị cáo Trần Nguyễn C nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 1.550.000 (một triệu năm trăm năm mươi nghìn) đồng.

5. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

6. Về thi hành án:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bến Tre;
- Cơ quan THAHS Công an tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- Phòng Hồ sơ nghiệp vụ Công an tỉnh Bến Tre;
- UBND phường H, Thành phố Đ, Thành phố Hồ Chí Minh;
- UBND xã L, huyện G;
- Bị cáo; bị hại;
- Bộ phận thi hành án hình sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Thị Phương Yến